

Số : 13/QĐCK-THCSNT

Ngọc Thụy, ngày 03 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Ngọc Thụy

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội của dự toán thu – chi ngân sách năm 2021 của quận Long Biên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Ngọc Thụy (theo các biểu đính kèm).

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3 : Ban Giám hiệu, phòng Hành chính kế toán và các phòng ban liên quan thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng HCKT;
- Ban giám hiệu;
- Lưu VT, KT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Hoa

Số: 14/TBCK-THCSNT

Long Biên, ngày 03 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách.

Căn cứ quyết định số 13/QĐ-THCSNT ngày 03 tháng 4 năm 2022 của Trường THCS Ngọc Thụy về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2021.

Trường THCS Ngọc Thụy thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai quyết toán ngân sách năm 2021 theo mẫu số 02/QĐ-CKNS theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

2. Thời gian niêm yết: 90 ngày, từ ngày 03 tháng 4 năm 2022 đến hết ngày 03 tháng 7 năm 2022.

3. Địa điểm niêm yết: Bảng tin công khai trường THCS Ngọc Thụy

4. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, kế toán, TB TTND, thủ quỹ công khai tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 03 tháng 4 năm 2022 đến hết ngày 03 tháng 7 năm 2022.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất sau 5 ngày làm việc.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Hoa

Long Biên, ngày 03 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Công khai quyết toán ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách.

Căn cứ quyết định số 13/QĐ-THCSNT ngày 03 tháng 4 năm 2022 của Trường THCS Ngọc Thụy về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2021.

Hôm nay, vào hồi 09h 40 phút, ngày 03 tháng 4 năm 2022, tại phòng Hội đồng Trường THCS Ngọc Thụy.

Thành phần gồm có:

Ông (Bà): Lê Thị Thu Hoa	Chức vụ: Hiệu trưởng
Ông (Bà): Đặng Sỹ Đức	Chức vụ: phó Hiệu trưởng
Ông (Bà): Đào Lệ Hà	Chức vụ: Tổ CM TN1 – Tổ trưởng
Ông (Bà): Trần Thị Nguyên	Chức vụ: Tổ CM TN2 – Tổ trưởng
Ông (Bà): Lê Triệu Oanh	Chức vụ: Tổ CM XH – Tổ trưởng
Ông (Bà): Hà Minh Phương	Chức vụ: Tổ CM NK – Tổ trưởng
Ông (Bà): Nguyễn Thị Xuân	Chức vụ: Ban TTND – Trưởng ban
Ông (Bà): Ngô Thị Hồng	Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
Ông (Bà): Đoàn Thị Yên	Chức vụ: Thủ quỹ
Ông (Bà): Khổng Thị Hồng Ngân	Chức vụ: Kế toán

Đã tiến hành niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2021.

Thời gian niêm yết: 90 ngày kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2022 đến hết ngày 03 tháng 7 năm 2022.

Địa điểm niêm yết: Bảng tin công khai trường THCS Ngọc Thụy

Biên bản lập xong vào hồi 11 giờ 15 ngày 03 tháng 4 năm 2022, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM

NIÊM YẾT

Lê Thị Hải Anh

BAN GIÁM HIỆU



Lê Thị Thu Hoa

CÔNG ĐOÀN

A blue ink signature, likely belonging to Ngô Thị Hồng.

Ngô Thị Hồng

BAN TTND

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Xuân.

Nguyễn Thị Xuân

Đơn vị: Trường THCS Ngọc Thụy

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2022 của Trường THCS Ngọc Thụy)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	1.450.721.400	1.450.721.400			
A	Tổng số thu	1.450.721.400	1.450.721.400			
1	Số thu phí, lệ phí					
	Thu tiền học phí	1.198.721.400	1.198.721.400			
	Thu 2 buổi/ngày	252.000.000	252.000.000			
1.2	Phí					
	Phí A					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.608.272.641	1.608.272.641			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
	Học phí	1.355.980.043	1.355.980.043	11.336.738	191.010.000	
	2 buổi/ngày	252.292.598	252.292.598			
1.1	Chi sự nghiệp.....					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
1.2	Phí					
	Phí A					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					



II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.771.642.183	6.771.642.183	4.148.750.860	44.907.500	1.280.375.388
1.1	Mục 6000 – Tiền lương	2.388.557.939	2.388.557.939			
	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	2.388.557.939	2.388.557.939			
1.2	Mục 6050 – tiền công lao động					
	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng					
	Tiền công khác					
1.3	Mục 6100 - Phụ cấp	1.101.261.794	1.101.261.794			
	Phụ cấp chức vụ	14.281.740	14.281.740			
	Phụ cấp thêm giờ					
	Phụ cấp ưu đãi nghề	682.965.575	682.965.575			
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	30.396.000	30.396.000			
	Phụ cấp thâm niên nghề, PCTN vượt khung	337.122.419	337.122.419			
	Khác	36.496.060	36.496.060			
1.4	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể					
	Tiền nước uống					
1.5	Mục 6300 - Các khoản đóng góp	658.931.127	658.931.127			
	Bảo hiểm xã hội	484.809.960	484.809.960			
	Bảo hiểm y tế	78.729.356	78.729.356			
	Kinh phí công đoàn	67.984.026	67.984.026			
	Bảo hiểm thất nghiệp	27.407.785	27.407.785			
1.6	Mục 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	800.000.000	800.000.000			
	Ch chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	800.000.000	800.000.000			
1.7	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	237.887.335	237.887.335			
	Thanh toán tiền điện	146.691.930	146.691.930			
	Thanh toán tiền nước	82.095.405	82.095.405			
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	9.100.000	9.100.000			
1.8	Mục 6550: Vật tư văn phòng	55.000.000	55.000.000			
	Văn phòng phẩm					
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	4.500.000	4.500.000			
	Khoản văn phòng phẩm	50.500.000	50.500.000			
	Vật tư văn phòng khác					
1.9	Mục 6600 : Thông tin liên lạc	7.788.000	7.788.000			
	Cước phí điện thoại trong nước	4.059.000	4.059.000			
	Thuê bao đường điện thoại, cước phí Internet, thư viện điện tử	3.729.000	3.729.000			
	Sách, báo, tạp chí thư viện					
	khác					
1.10	Mục 6650 : Hội nghị					

	In, mua tài liệu					
	Các khoản thuê mướn khác phục vụ hội nghị					
	Chi phí khác					
1.11	Mục 6700: Công tác phí					
	Khoản công tác phí					
1.12	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	124.792.100	124.792.100			
	Thuê phương tiện vận chuyển					
	Thuê thiết bị các loại					
	Thuê lao động trong nước	124.792.100	124.792.100			
	Chi phí thuê mướn khác					
1.13	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác CM	34.757.500	34.757.500			
	Các thiết bị công nghệ thông tin	17.407.500	17.407.500			
	Tài sản và thiết bị văn phòng	17.350.000	17.350.000			
	Đường điện, cấp thoát nước					
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác					
1.14	Mục 7000 : Chi phí NVCM ngành	31.657.000	31.657.000			
	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành	19.657.000	19.657.000			
	Đồng phục trang phục bảo hộ	12.000.000	12.000.000			
	Chi khác					
1.15	Mục 7050 : Mua sắm tài sản vô hình	10.150.000	10.150.000			
	Chi mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	10.150.000	10.150.000			
1.16	Mục 7750 : Chi khác	40.484.000	40.484.000			
	Khoản phớt lệ phớt khỏ	3.784.000	3.784.000			
	Chi các khoản khác	36.700.000	36.700.000			
1.17	Mục 7950 : Chi lập quỹ	1.280.375.388	1.280.375.388			
	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	468.000.000	468.000.000			
	Chi bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	400.000.000	400.000.000			
	Chi lập quỹ khen thưởng	100.000.000	100.000.000			
	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	312.375.388	312.375.388			

Ngọc Thụy, ngày 03 tháng 4 năm 2022

KẾ TOÁN

Ngọc

Khổng Thị Hồng Ngân

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Hoa